

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số:103/2021/HS-ST
Ngày 27/ 10 /2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thúc Giang và bà Doãn Thị Vệ

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 109/2021/TLST- HS ngày 04 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tiêu Văn V, sinh năm 1994 tại P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, thành phố Y, tỉnh P; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tiêu Văn L và bà Lê Thị B; vợ Nguyễn Thị H và có 02 con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, Tiền sự: Không.

Quá trình hoạt động bản thân: Đi nghĩa vụ quân sự từ tháng 3/2015 đến tháng 7/2016 thì xuất ngũ trở về địa phương.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/07/2021 đến nay. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt)

2. Họ và tên: Lý Đức K, sinh năm 1996 tại P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, thành phố Y, tỉnh P; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn B và bà Tiêu Thị H; vợ, con: Không; Tiền án, Tiền sự: Không.

Quá trình hoạt động bản thân: tại Bản án số: 102/2013/HSST ngày 05/12/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Y, tỉnh P áp dụng điểm d khoản 2 điều 133, điểm b, p khoản 1, 2 điều 46, điều 47, 69, 74 BLHS 1999 xét xử 5 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/08/2015 trở về địa phương. Chấp hành xong án

phí tháng 3/2014. Đã xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/07/2021 đến nay. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt)

3. Họ và tên: Dương Văn T, sinh năm 1994 tại P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, thành phố Y, tỉnh P; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn B và bà Lưu Thị T; vợ Đỗ Thị Huyền Tr và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, Tiền sự: Không.

Quá trình hoạt động bản thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/07/2021 đến nay. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt)

4. Họ và tên: Trương Văn K, sinh năm 1993 tại P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, thành phố Y, tỉnh P; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T và bà Lưu Thị B; vợ, con: Không; Tiền án, Tiền sự: Không.

Quá trình hoạt động bản thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/07/2021 đến nay. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt)

5. Họ và tên: Tiêu Hải Tr, sinh năm 1995 tại P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, thành phố Y, tỉnh P; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tiêu Văn T và bà Trương Thị M; vợ Đặng Thị Y và có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, Tiền sự: Không.

Quá trình hoạt động bản thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/07/2021 đến nay. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt)

Người bị hại: Công ty HT

Địa chỉ: Phường Tiền Châu, thành phố Y, tỉnh P

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị HT - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hữu T sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn M, xã N, thành phố Y, tỉnh P. (có mặt).

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 19/5/2021, Tiêu Hải Tr đi đến nhà Dương Văn T ở cùng thôn chơi uống nước. Tại đây, Tr ngồi uống nước nói chuyện với T và Tiêu Văn V là người ở cùng thôn. Quá trình nói chuyện, Tr nói cho T và V biết tại khu vực gần nhà Tr đang có công trình xây dựng cổng Lũng Vả thuộc thôn Đ, xã N, thành phố Y nên có nhiều vật liệu xây dựng là sắt thép được tập kết nhưng không có ai quản lý, bảo vệ. Sau khi nghe Tr kể chuyện xong thì Trương Văn K ở cùng thôn Đ đến chơi, cả 3 không nói chuyện nữa. Sau đó được khoảng 5 phút sau, Tr đi về nhà, trước khi về thì V và T bảo Tr về kiểm tra có sắt thép ở công trình xây dựng trên thì gọi điện thoại cho T để đi lấy. Sau đó, có Lý Đức K cũng ở thôn Đ đến nhà T ngồi chơi nói chuyện. Lúc này, T nhận được điện thoại của Tr thông báo sắt thép vẫn còn ở công trình trên. V rủ T, K và K đến khu vực xây dựng cổng Lũng Vả trộm cắp sắt để bán lấy tiền tiêu xài thì tất cả đều đồng ý. Sau đó, V điều khiển xe ô tô BKS: 29C - 085.61 chở T, còn K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS: 88H1 - 232.99 chở K đến khu vực xây dựng cổng Lũng Vả. Khi đến nơi, T gọi điện thoại cho Tr để cảnh giới, sau khi xác định không có người trông coi thì V, T, K và K đi đến khu vực để sắt thép trên rồi trộm cắp. Đến khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày thì các đối tượng bị Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện và tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ toàn bộ vật chứng gồm: 03 thanh kim loại bằng sắt hình chữ U; 19 tấm kim loại bằng sắt (hộp đồ tám đan) loại sắt phi 14; 34 tấm kim loại bằng sắt (loại tám đan chịu lực) có móc cầm tay bằng sắt, đã qua sử dụng.

Ngày 25/5/2021, Hội đồng Định giá T sản trong tổ tụng hình sự thành phố Y có Bản kết luận định giá T sản số 36/KL- HĐĐGTS, kết luận: 03 thanh kim loại bằng sắt hình chữ U; 21 tấm kim loại bằng sắt (hộp đồ tám đan) loại sắt phi 14 và tiền công đan; 34 tấm kim loại bằng sắt (loại tám đan chịu lực) có móc cầm tay bằng sắt có tổng trị giá là 9.953.000đồng.

Quá trình điều tra xác định, chủ sở hữu của số thanh kim loại bằng sắt nêu trên là của Công ty HT, có địa chỉ tại phường Tiền Châu, thành phố Y, tỉnh P do bà Nguyễn Thị HT là Giám đốc. Quá trình điều tra, công ty đã ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Tuất, sinh năm 1955 có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã N, thành phố Y, tỉnh P đại diện công ty tham gia quá trình giải quyết vụ án. Đến ngày 11/6/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Y đã trả lại T sản trên cho ông Nguyễn Hữu Tuất đại diện theo ủy quyền của Công ty HT đã nhận lại T sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ của Tiêu Văn V: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, BKS: 29C - 085.61; 01 chiếc ví giả da màu đen, bên trong ví có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004400; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5464426; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô

tô số 0116534, đều đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định, T sản trên là của ông Tiêu Văn L, sinh năm 1973, có HKTT tại: Thôn Đ, xã N, thành phố Y, tỉnh P tối ngày 19/5/2021, Tiêu Văn V tự lấy chiếc xe điều khiển chiếc xe ô tô trên để đi trộm cắp T sản, ông Lý không biết gì. Đến ngày 19/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Y đã trả lại T sản trên cho ông Tiêu Văn L, ông Lý đã nhận T sản trên và không có yêu cầu đề nghị gì.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS: 88H1 - 232.99 + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trương Văn K và 01 chiếc đèn pin nhãn hiệu Ledlenser H7R.2, màu đen trắng, đều đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, xác định đều là T sản của Trương Văn K sử dụng vào mục đích trộm cắp T sản.

Thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A70, màu đen của T và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số imel 1: 352575631416273, số imel 2: 358053731416274 của Tr. Quá trình điều tra xác định T và Tr sử dụng để trộm cắp T sản.

Thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, đã qua sử dụng của Tiêu Văn V, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số imel 1: 352808092644863, số imel 2: 352809092644861 của K và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu vàng trắng, đã qua sử dụng, điện thoại đã bị hư hỏng của K. Quá trình điều tra, xác định V, K và K không sử dụng vào mục đích phạm tội.

Đối với 02 tấm kim loại bằng sắt (hộp đồ tám đan) loại sắt phi 14, mà Trương Văn K và Lý Đức K trộm cắp, quá trình bỏ chạy Trương Văn K làm rơi mất. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Y đã truy tìm nhưng không tìm thấy, nên không có căn cứ xử lý.

Tại cơ quan điều tra Dương Văn T, Tiêu Văn V, Trương Văn K, Lý Đức K và Tiêu Hải Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi Trộm cắp T sản như nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 81 /CT - VKSPY ngày 01 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y truy tố các bị cáo Dương Văn T, Tiêu Văn V, Trương Văn K, Lý Đức K và Tiêu Hải Tr về tội “Trộm cắp T sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Dương Văn T, Tiêu Văn V, Trương Văn K, Lý Đức K và Tiêu Hải Tr đã khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y truy tố về tội “ Trộm cắp T sản ” là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng treo. Đại diện hợp pháp của người bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với các bị cáo. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự phạt bị cáo Tiêu Văn V từ 09 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự phạt bị cáo Lý Đức K từ 09 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 bộ luật hình sự phạt bị cáo Trương Văn K từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 bộ luật hình sự phạt bị cáo Dương Văn T từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt bị cáo Tiêu Hải Tr từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án đề nghị tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS: 88H1 - 232.99 + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trương Văn K và 01 chiếc đèn pin nhãn hiệu Ledlenser H7R.2, màu đen trắng, đều đã qua sử dụng. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A70, màu đen của T và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số imel 1: 352575631416273, số imel 2: 358053731416274 của Tr. Trả lại cho Tiêu Văn V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, đã qua sử dụng, trả lại Trương Văn K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số imel 1: 352808092644863, số imel 2: 352809092644861 và trả lại cho Lý Đức K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu vàng trắng, đã qua sử dụng, điện thoại đã bị hư hỏng. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ và các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các T liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của các bị cáo, biên bản sự việc do Công an xã N lập ngày 19/5/2021, vật chứng thu giữ được. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 22 giờ 20 phút, ngày 19/05/2021, tại khu vực thôn Đ, xã N, thành phố Y, tỉnh P, Dương Văn T, Tiêu Văn V, Trương Văn K, Lý Đức K và Tiêu Hải Tr đang thực hiện việc lén lút trộm cắp 03 thanh kim loại bằng sắt hình chữ U; 21 tấm kim loại bằng sắt (hộp đồ tấm đan) loại sắt phi 14; 34 tấm kim loại bằng sắt (loại tấm đan chịu lực) có móc cầm tay bằng sắt đều là T sản của Công ty HT thì bị lực lượng Công an phát hiện cùng toàn bộ tang vật. Tổng trị giá T sản trộm cắp là 9.953.000đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp T sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Có khung hình phạt cao nhất từ 06 tháng đến 03 năm tù. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh P truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 81/CT - VKSPY ngày 01 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu T sản hợp pháp của pháp nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật hình sự, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung toàn xã hội.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Tiêu Văn V trước khi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, T sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tại phiên tòa đại diện người bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân ngũ. Đó là những tình tiết giảm nhẹ về trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự không có. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo là người khởi xướng, trực tiếp trộm cắp do vậy cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, phạt bị cáo mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Lý Đức K là người có nhân thân xấu, bị cáo đã bị kết án về tội Cướp T sản mặc dù đã được xóa án tích tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình mà lại tiếp tục phạm tội Trộm cắp T sản, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo do vậy cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, phạt bị cáo mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tại phiên tòa đại diện người bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo Trương Văn K, Dương Văn T và Tiêu Hải Tr đồng phạm cùng với bị cáo V và K trộm cắp T sản trong đó bị cáo K, T, cùng với V và K là người trực tiếp trộm cắp T sản còn bị cáo Tr là người cảnh giới cho các bị cáo trộm cắp T sản. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, T sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tại phiên tòa đại diện người bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, riêng bị cáo K có thời gian phục vụ trong quân ngũ. Đó là những tình tiết giảm nhẹ về trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có. Hội đồng xét xử thấy khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được Kn hồng và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội, mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục chung, cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong đó hình phạt bị cáo Tr thấp hơn so với bị cáo K và T có như vậy mới tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện không có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa Công ty HT không có yêu cầu đề nghị các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS: 88H1 - 232.99 + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trương Văn K và 01 chiếc đèn pin nhãn hiệu Ledlenser H7R.2, màu đen trắng, đều đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, xác định đều là T sản của Trương Văn K sử dụng vào mục đích trộm cắp T sản, cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Đối với: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A70, màu đen của T và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số imel 1: 352575631416273, số imel 2: 358053731416274 của Tr. T và Tr sử dụng để liên lạc trộm cắp T sản, cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, đã qua sử dụng của Tiêu Văn V, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số imel 1: 352808092644863, số imel 2: 352809092644861 của Trương Văn K và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu vàng trắng, đã qua sử dụng, điện thoại đã bị hư hỏng của Lý Đức K. Quá trình điều tra, xác định V, K và K không sử dụng vào mục đích phạm tội. Cần trả lại cho V, K và K nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 02 tấm kim loại bằng sắt (hộp đồ tấm đan) loại sắt phi 14, mà Trương Văn K và Lý Đức K trộm cắp, quá trình bỏ chạy Trương Văn K làm rơi mất. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Y đã truy tìm nhưng không tìm thấy, nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Tiêu Văn V, Lý Đức K, Trương Văn K, Dương Văn T và Tiêu Hải Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Tiêu Văn V, Lý Đức K, Trương Văn K, Dương Văn T và Tiêu Hải Tr phạm tội: “Trộm cắp T sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Tiêu Văn V 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lý Đức K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn K 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn T 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt: Bị cáo Tiêu Hải Tr 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Dương Văn T, Trương Văn K và Tiêu Hải Tr cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Y, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS: 88H1 - 232.99 + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trương Văn K và 01 chiếc đèn pin nhãn hiệu Ledlenser H7R.2, màu đen trắng, đều đã qua sử dụng. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A70, màu đen của Dương Văn T và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số imel 1: 352575631416273, số imel 2: 358053731416274 của Tiêu Hải Tr. Trả lại cho Tiêu Văn V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, đã qua sử dụng, trả lại Trương Văn K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số imel 1: 352808092644863, số imel 2: 352809092644861 và trả lại cho Lý Đức K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu vàng trắng, đã qua sử dụng, điện thoại đã bị hư hỏng. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. (vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Tiêu Văn V, Lý Đức K, Trương Văn K, Dương Văn T và Tiêu Hải Tr mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND thành phố Y;
- Công an thành phố Y;
- Thi hành án dân sự thành phố Y;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- UBND xã N
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Bích